

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LV
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22-7-2022
“V/v Ly hôn; Tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn giữa chị Lê Thị Kim
N và anh Nguyễn Thế T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LV, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Kiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Hồng Quân.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Pha - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LV, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở của Tòa án nhân dân huyện LV xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2022/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2022, về “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2022/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim N (tên gọi khác H), sinh năm 1988; địa chỉ: Số 299 ấp P, xã P, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp; chị N có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thế T, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 60, ấp A, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp; anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Kim N trình bày:

Chị N và anh Nguyễn Thế T quen biết nhau năm 2012 đến năm 2019 được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng đến ngày 18/5/2021 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Chị N và anh T chung sống hạnh phúc đến khi chị N mang thai thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ tháng 5/2021 đến nay. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tH xuyên cãi vã, vợ chồng luôn trong tình trạng mâu thuẫn kéo dài cụ thể là anh T không quan tâm đến chị N, từ khi mang bầu cho đến lúc chị N sinh con. Anh T cho rằng chị N vô dụng không làm được gì trong khi đó chị N mới sinh bé khoảng 02 tháng tuổi nên chưa đi làm được. Anh T không chung thủy với chị N là thường xuyên nhắn tin với vợ cũ của anh T, chị N chỉ bắt gặp qua tin nhắn chứ không có chứng cứ gì chứng minh. Mâu thuẫn về tiền bạc, anh T nợ nần cầm xe của chị N, anh T sử dụng tiền vào việc gì chị N đều không hay biết, mỗi lần hết tiền đều kêu chị N vay nợ nhưng chỉ có mình chị N lo trả nợ. Anh T không tôn trọng cha mẹ của chị N, có lần anh T dùng lời lẽ xúc phạm cha của chị N cho rằng cha chị N không biết dạy con. Do không còn tình cảm với anh T nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

Quá trình sống chung chị N và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Lê Như B, sinh ngày 15/3/2021 hiện đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Như B, chị N không yêu cầu anh T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị N. Từ khi chị N sinh con đến nay anh T không quan tâm đến con luôn nghi ngờ không phải con anh T; anh T chỉ gửi 2.000.000 đồng lo cho con. Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của bị đơn Nguyễn Thế T:

Anh Nguyễn Thế T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian kết hôn, việc đăng ký kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc thời gian chính thức ly thân.

Về mâu thuẫn vợ chồng chị N trình bày anh T cho rằng đó là do suy nghĩ của chị N do chị N tH xuyên ghen tuông. Anh T không có không chung thủy như chị N trình bày, anh T thừa nhận có nhắn tin với vợ cũ của anh T một lần duy nhất là do vợ cũ xúc phạm anh T. Trong quá trình sống chung, chị N thường xuyên bỏ nhà đi ra ngoài ở cả tháng không về nhà mà nguyên nhân chỉ vợ chồng cự cãi lời qua tiếng lại. Do đó, anh T cũng nghi ngờ chị N không chung thủy nhưng anh T cũng không có chứng cứ gì chứng minh. Mỗi lần chị N bỏ về nhà cha mẹ ruột ở thì cha mẹ vợ đều đến dọn đồ cùng chị N, có lần anh T thừa nhận do nóng tính nên đập điện thoại trước mặt cha vợ chứ không có xúc phạm hay không tôn trọng cha vợ như chị N trình bày. Về chăm sóc con chị N trình bày không đúng vì khi chị N đi sinh con mọi chi phí đều do anh T lo nhưng đến tháng 5/2021 do dịch bệnh bùng phát không làm ra tiền nên anh T ít gửi tiền cho con. Anh T vẫn thường gửi sữa cho con nhưng cha mẹ chị N không nhận trả lại anh T, có lần anh T gửi tiền cho chị N 2.000.000 đồng cho con, chị N cũng trả lại anh T. Do anh T vẫn còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N. Về nuôi con chung: Anh T thống nhất với ý kiến của chị N về con chung. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Lê Như B, sinh ngày 15/3/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị N. Về chia tài sản: Anh T thống nhất với chị

N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh T thống nhất với chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án:

Kiểm sát viên cho rằng, căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận thấy chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Thế T chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng của chị N và anh T không còn, các bên thừa nhận có mâu thuẫn, cãi vã nhau, không còn sống chung từ tháng 5 năm 2021 đến nay nhưng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Kim N. Giao con chung tên Nguyễn Lê Như B, sinh ngày 15/3/2021 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng; tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc chị Lê Thị Kim N xin ly hôn anh Nguyễn Thế T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị N và anh T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do anh T có địa chỉ cư trú tại số 60, ấp A, xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện LV thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với anh T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T là phù hợp với quy định của khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân:

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật này được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Do vậy việc chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Thế T đăng ký kết hôn vào ngày 18/5/2021 theo giấy chứng nhận kết hôn số 44 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp đã tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều

8 và khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, nên được công nhận là vợ chồng hợp pháp.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị N và anh T đã không làm được điều đó. Tuy chung sống với nhau một thời gian khá lâu, nhưng chị N và anh T thường xảy ra bất đồng về quan điểm sống, hay cãi vã nhau vì những bất hòa trong cuộc sống hôn nhân và kinh tế gia đình. Chị N cho rằng anh T không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm chăm sóc vợ con, có hành vi xúc phạm cha vợ, mâu thuẫn về tiền bạc. Còn anh T thì cho rằng chị N hay ghen tuông nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Tuy đó chỉ là lời trình bày của hai bên đương sự, không có chứng cứ chứng minh, nhưng qua đó thấy rõ vợ chồng sống chung không hạnh phúc, tuy thời gian chung sống với nhau đã khá lâu (từ tháng 5 năm 2021 đến nay), nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được tình cảm để về chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình, do chị N và anh T không có sự tin tưởng và chia sẻ với nhau trong cuộc sống vợ chồng. Khi Tòa án triệu tập họp lệ anh T đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận định chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung:

Xét thấy cháu Nguyễn Lê Như B, sinh ngày 15/3/2021 đúng là con chung của chị N và anh T, được chị N và anh T thừa nhận và có giấy khai sinh của cháu B để chứng minh. Thời gian chị N và anh T xa nhau, cháu B do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chu đáo, hiện cháu B do chị N nuôi dưỡng phát triển B tH như bao đứa trẻ khác cùng trang lứa. Anh T thống nhất trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, anh T đồng ý giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh T không có nghĩa vụ đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung cùng chị N. Vì vậy, xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Lê Như B của chị N là có căn cứ, phù hợp Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình, nên Tòa án chấp nhận và quyết định giao cháu B cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thế T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Lê Như B. Anh Nguyễn Thế T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Kim N.

Do chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, nên Tòa án không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Do chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Do chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Thế T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp quy định pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

[8] Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo thực hiện theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9 và khoản 1 Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Kim N và anh Nguyễn Thế T.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Lê Như B, sinh ngày 15/3/2021 cho chị Lê Thị Kim N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng (Hiện cháu B đang sống chung và do chị N trực tiếp nuôi dưỡng). Anh Nguyễn Thế T không phải đóng góp (cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu B cùng chị N.

2.2. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Kim N cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Thế T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Nguyễn Thế T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở, hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Lê Thị Kim N.

3. Về chia tài sản: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008583 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (Chị N đã nộp đủ án phí).

6. Chị Lê Thị Kim N được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Thế T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho anh T.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- (GCNKH số 44 ngày ĐK 18/5/2021)
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Kiến